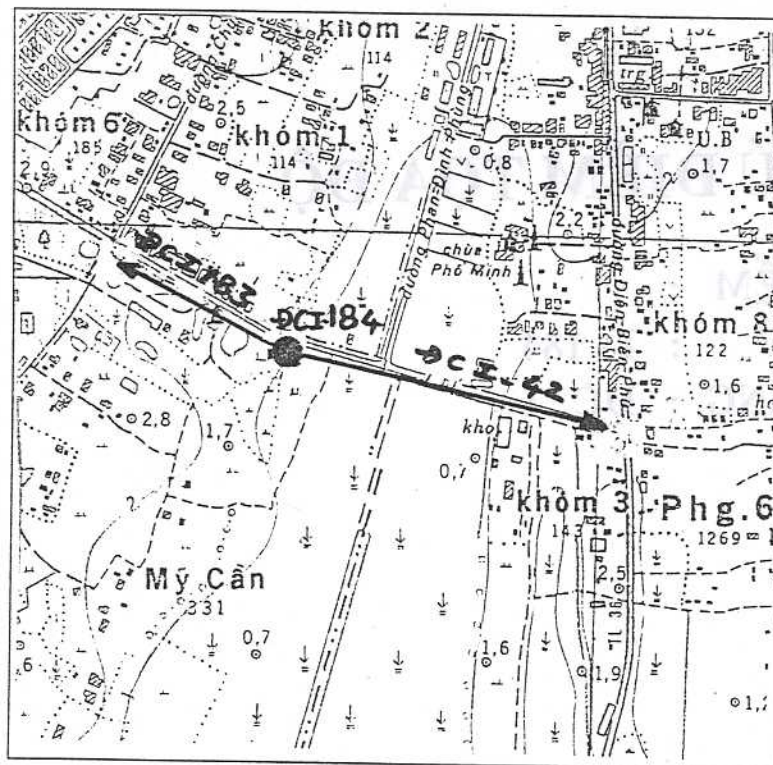


GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : ĐCI - 184
 Phương pháp đo : Đường chuyền
 Trị giá khái lược : Độ cao : 2 m
 Loại đất : Đất công
 Nơi đặt mốc : Khóm 1
 Thị xã : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Khóm 1
 Người chọn : Trần Văn Thuật
 Chất đất : Thệt pha cát
 Phường : 7
 Tỉnh : Trà Vinh
 Khoảng cách tới điểm : Tại điểm
 Đơn vị chọn : XN Trắc địa 301-XNLH Trắc địa Bản đồ số 3
 Ngày 15 tháng 10 năm 1994

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10.000

Điểm thông hướng
 (Tên, số hiệu, cấp hạng
 điểm liên quan mà từ mặt
 đất điểm trạm đo thông suốt
 tới điểm liên quan)

Điểm :
 ĐCI - 42
 ĐCI - 183

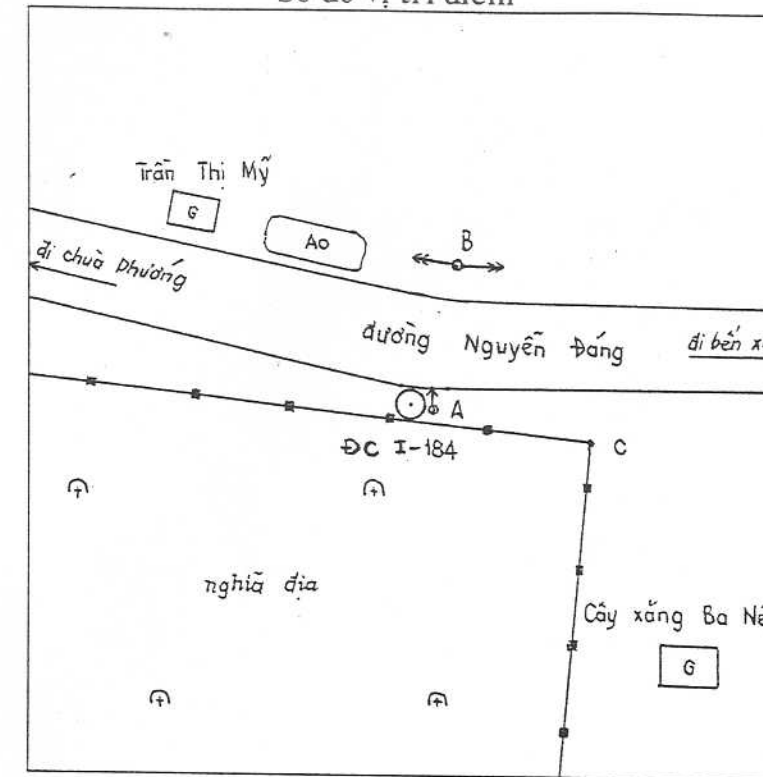
Họ, tên, địa chỉ người
 dẫn đường :

Bà Trần Thị Sáu
 Khóm : 1
 Phường : 7
 Thị xã : Trà Vinh
 Tỉnh : Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ ván dọi điểm đến :	Lần 1	Lần 2	TB	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hố				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vẩy hoặc mặt đất sau khi đắp				

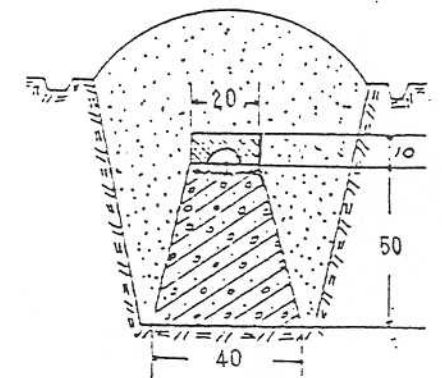
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ : 1/ 500

Đơn vị chôn mốc :
 XN Trắc địa 301

Người chôn mốc :
 Huỳnh Hữu Hiền
 Loại mốc : Mốc chôn một tầng
 Ngày 25 tháng 10 năm 1994
 Hình vẽ mặt cắt mốc
 (Đơn vị cm)



V/v	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Cột điện giằng	Hướng Đông 1.1m
B	Cột điện số 7	Hướng Đông Bắc 9.5m
C	Góc ranh nghĩa địa	Hướng Đông Nam 11.9 m

Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm : Nghĩa địa Số hiệu : ĐCII - 356

Cấp, hạng : ĐC .II

Điểm này đo nổi độ cao bằng : Đo cao hình học

Cấp, hạng : Kỹ Thuật

Đường đi đến điểm : (Đường ô tô, sắt, thủy, số Km) :

Từ Ủy Ban Thị xã Trà Vinh đi xe ô tô theo đường Phan Đình Phùng 1400 m gặp đường Nguyễn
 rẽ phải 200 m đến nghĩa địa xây là đến điểm

Cơ quan gia cố mốc, tường vẩy, lập ghi chú điểm :

Ngày 30 tháng 12 năm 1995

Người làm ghi chú điểm

Đỗ Phi Hạnh

Ngày 5 tháng 1 năm 1996

Người kiểm tra

Phan Gia Toán

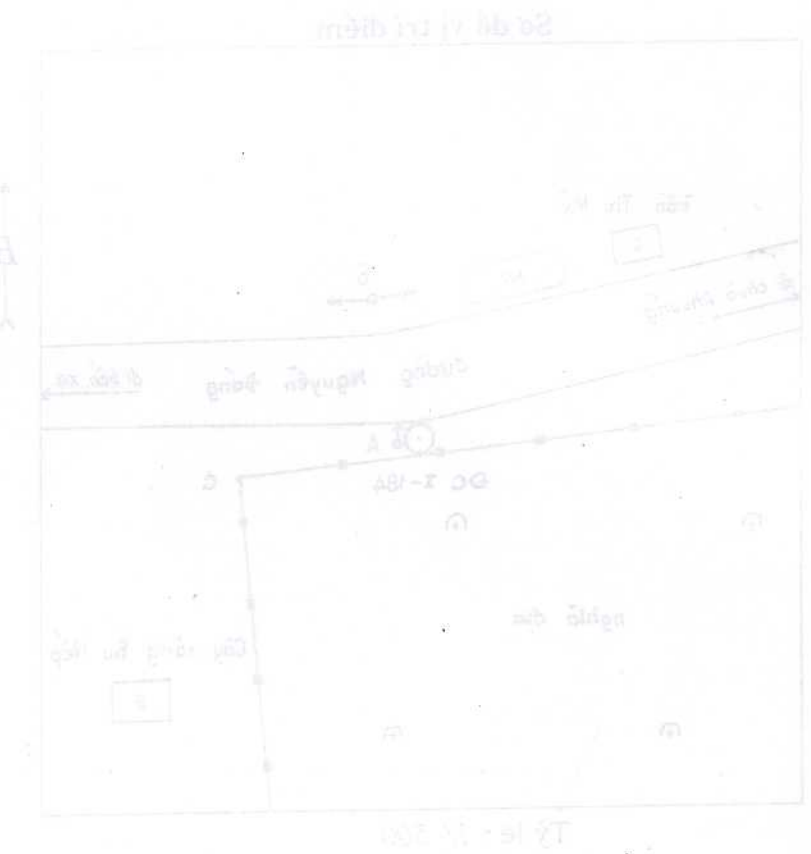
GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : I - 184
CẤP, HẠNG : ĐC . I

NĂM 1995



V/V	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ gốc đến vật chuẩn (m)
A	Cột thép góc	1 m
B	Cột sắt	2 m
C	Cột bê tông	11 m

Điểm này là điểm gốc của khu vực đo đạc. Điểm này được chọn tại vị trí thuận lợi, không bị che khuất và có tầm nhìn rộng. Điểm này được chọn tại vị trí thuận lợi, không bị che khuất và có tầm nhìn rộng. Điểm này được chọn tại vị trí thuận lợi, không bị che khuất và có tầm nhìn rộng.

Mã số điểm : 184
Cấp hạng : ĐC
Kính độ : 100
Vĩ độ : 100

Điểm gốc : ĐC I - 184
Điểm gốc : ĐC I - 184
Điểm gốc : ĐC I - 184